

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI TÀY Ở TỈNH TUYÊN QUANG

Tóm tắt: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng của tộc người ở Việt Nam, trên cơ sở niềm tin tổ tiên luôn ở bên, che chở, phù hộ cho con cháu. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày là một hoạt động ý thức của con người; là tình cảm biết ơn, tưởng nhớ về cội nguồn quá khứ; là ý thức về tổ tiên mang giá trị nhân văn sâu sắc. Tín ngưỡng này đã trở thành một phong tục, một chuẩn mực đạo đức trong nguyên tắc làm người. Ngày nay, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang vẫn được duy trì theo quan niệm, phong tục, tập quán của mỗi gia đình, dòng họ và cộng đồng xã hội.

Từ khóa: Tín ngưỡng; thờ cúng tổ tiên; người Tày; Tuyên Quang.

Dẫn nhập

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là loại hình tín ngưỡng tồn tại từ lâu đời, phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội của các dân tộc. Người xưa đã quan niệm “chim có tổ, người có tông”, nên ý thức về việc thờ cúng tổ tiên luôn được coi trọng và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, trở thành đạo lý và nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. Người Tày luôn nhận thức “vạn vật hữu linh”, mọi vật đều có linh hồn, vì thế họ có quan niệm thể xác và linh hồn vừa gắn chặt với nhau vừa tách rời nhau. Con người khi chết đi sẽ chuyển sang “sống” ở một thế giới khác gọi là “cõi âm”. Người

* Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang.

Ngày nhận bài: 01/3/2021; Ngày biên tập: 8/4/2021; Duyệt đăng: 20/4/2021.

trên dương gian sẽ thực hiện nghi lễ thờ cúng nhằm xác lập mối liên hệ giữa người sống với người chết, giữa thế giới hiện tại với “cõi âm”. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày được thể hiện rõ trong các nghi lễ thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng tộc, cộng đồng. Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa trên mọi lĩnh vực hiện nay đã tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần của các dân tộc, trong đó có người Tày ở tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy bản sắc tộc người trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang đang là vấn đề cần quan tâm nghiên cứu.

1. Người Tày ở tỉnh Tuyên Quang và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Người Tày là một cộng đồng tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, đã có mặt ở vùng Đông Bắc Việt Nam từ rất sớm, có thể từ nửa cuối thiên niên kỉ I trước Công nguyên¹. Do sự cộng cư lâu đời trên cùng một vùng lãnh thổ và có sự tiếp xúc thường xuyên với người Tày, một bộ phận người Nùng đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của người Tày và gia nhập cộng đồng người Tày. Theo kết quả điều tra dân số ngày 01/4/2019, tỉnh Tuyên Quang có 784.811 người², gồm 23 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Tày chiếm khoảng 25%. Ở nông thôn, người Tày thường sống tập trung thành từng làng (bản), tạo thành các quần thể riêng, đây là đặc điểm nổi bật của các làng người Tày truyền thống. Còn ở các vùng thành phố, thị trấn họ sống xen kẽ với các dân tộc khác, chủ yếu là dân tộc Việt (Kinh). Trong quá trình tồn tại và phát triển, người Tày và các dân tộc khác như Kinh, Dao, Sán Dìu,... có sự giao thoa văn hóa lẫn nhau.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang chịu sự ảnh hưởng khá sâu đậm của Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo đặc biệt là văn hóa người Việt (Kinh). “Sự ảnh hưởng của Tam giáo đối với đời sống người Tày mãi về sau mới xuất hiện, đó là khi họ tiếp xúc với người Kinh và người Hán, được thể hiện rõ trong thờ cúng ông bà, các lễ tiết, lễ nghĩa trong gia đình và cộng đồng”³. Sự ảnh hưởng đó thể hiện qua các con đường sau:

Thứ nhất, các yếu tố Đạo giáo, Phật giáo từ người Hán ở Trung Quốc truyền vào người Choang, sau đó kết hợp với các tín ngưỡng dân gian mà hình thành nên tín ngưỡng người Choang. Sau đó tín ngưỡng người Choang đã đi theo chân các cuộc di cư của nhóm Nùng, Ngạn, Phén,... vào Việt Nam. Trong quá trình giao lưu trao truyền nghề nghiệp của các thế hệ thầy cúng, đặc điểm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ngày nay đã dần hình thành.

Thứ hai, Đạo giáo từ người Hán Trung Quốc truyền vào một bộ phận người Việt (Kinh) ở phía bắc Việt Nam, kết hợp với các yếu tố Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt (Kinh) như tam phủ, tứ phủ,... Tiếp theo, thông qua các cuộc di cư của người Việt (Kinh) lên vùng người Tày, kết hợp với các tín ngưỡng dân gian bản địa và kết hợp với các yếu tố du nhập từ người Nùng gốc Choang mà làm nên diện mạo mới trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày hiện nay.

Thứ ba, đó là khả năng tín ngưỡng người Choang theo chân các thầy cúng vào khu vực cư trú của người Tày được một thời gian, sau đó bộ phận thầy cúng này lại chuyển cư tiếp về xuôi tiếp tục hành nghề trong sự giao lưu tiếp biến cùng với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt (Kinh). Sau nhiều đời, vì những lý do khác nhau mà bộ phận con cháu này lại quay trở lại khu vực cư trú của người Tày và tiếp tục hành nghề, truyền nghề tạo nên diện mạo khác cho nghề cúng của họ⁴.

Về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng có sự thống nhất ở một số điểm cơ bản. Tác giả Phạm Quỳnh Phương cho rằng: “Tổ tiên được giới hạn trong trục huyết thống, bằng quan hệ thân tộc: tổ nhà, tổ họ”⁵. Theo tác giả Ngô Đức Thịnh: Thờ cúng tổ tiên bao gồm: gia tộc, dòng họ, quốc gia⁶. Tác giả Nguyễn Thị Yên thì cho rằng: Thờ tổ được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tổ tiên gia đình, tổ tiên dòng họ, thủ lĩnh dân tộc, tổ ngành nghề, người khai làng, lập bản⁷. Tác giả Trần Đăng Sinh quan niệm rằng: “Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một bộ phận của ý thức xã hội, là một loại hình tín ngưỡng dân gian được hình thành từ thời

nguyên thủy với niềm tin thiêng liêng rằng, tổ tiên đã chết sẽ che chở, phù giúp cho con cháu, được thể hiện thông qua lễ nghi thờ phụng. Nó là sự phản ánh hoang đường quyền hành của người đứng đầu thị tộc phụ hệ, gia đình phụ quyền được duy trì và phát triển trong xã hội có giai cấp sau này, là sự biết ơn, tưởng nhớ và tôn thờ những người có công sinh thành, tạo dựng, bảo vệ cuộc sống như cụ, kỵ, ông bà, cha mẹ, tổ sư, tổ nghề, thành hoàng làng, tổ nước...”⁸.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong bài viết này bao gồm tổ tiên gia đình, tổ tiên dòng họ, tổ ngành nghề và được thể hiện qua các nghi lễ thờ phụng; qua đó, phản ánh tâm lý của người Tày nói chung luôn ghi nhớ công của những người đầu tiên khai cơ lập nghiệp cho gia đình, làng bản. Đạo lý biết ơn và tiếp nối truyền thống của tổ tiên được thể hiện thông qua các nghi thức, không gian, thời gian thờ cúng có tính chất huyền bí thiêng liêng. Đặc biệt ý thức tưởng nhớ về cội nguồn, đạo hiếu, đạo làm người của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang được thể hiện rõ trong các nghi lễ thờ cúng tổ tiên gia tộc, thờ cúng tổ nghề.

2. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày tỉnh Tuyên Quang là ý thức tưởng nhớ về cội nguồn

Thờ cúng tổ tiên gia tộc giữ vị trí quan trọng nhất trong đời sống tinh thần của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang. Tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng: “Người Tày thờ tổ tiên theo 4 đời: Bố mẹ, ông bà, cụ, kỵ. Tới đời thứ 5, theo quan niệm của người Tày, thì linh hồn tổ tiên biến thành ma phù hộ cho chăn nuôi gia súc và bàn thờ ở vách nhà trước cửa ra vào”⁹. Theo tác giả Bé Văn Hậu thì: “Người Tày, Nùng coi ma nhà (phi rườm) là tổ tiên trực tiếp và giống như quan niệm của người Việt (Kinh); ma nhà chỉ tính đến 4 đời, từ đời gia chủ đến đời cha, ông, cụ, kỵ hoặc có nơi thờ 3 đời là cha, ông, cụ”¹⁰. Tác giả La Công Ý viết: “Người Tày cũng thờ tổ tiên 3 đời, mỗi khi cầu cúng họ chỉ xưng tên bố mẹ, ông bà và các cụ, còn từ đời thứ 4 trở lên thì được gộp vào tổ tiên nói chung”¹¹. Người Tày ở tỉnh Tuyên Quang cũng duy trì truyền thống như vậy.

Những người mới chết, người ta lập bàn thờ bài vị để thờ riêng một chỗ thấp hơn bàn thờ tổ tiên, khi làm lễ mãn tang xong (trước đây thường là 36 tháng, nhưng hiện nay thời gian đã được rút ngắn khoảng 12 tháng, 9 tháng, 6 tháng, 100 ngày, có trường hợp đặc biệt làm ma xong bỏ tang luôn) được đưa lên thờ chung với các vị tổ tiên nhiều đời của gia đình¹². Những người chết trẻ nhưng đã có vợ con, gia đình thường để bàn thờ riêng, thấp hơn, đợi đến lúc nào đủ tuổi (37 tuổi) mời thầy cúng về làm lễ, thì mới đưa lên bàn thờ chung với tổ tiên trong gia đình. Ma tổ tiên, theo quan niệm của người Tày, là một vị phúc thần, thường hiện về phù hộ, che chở, giúp đỡ con cháu. Tuy nhiên, nếu như chu cấp không đầy đủ, để ma đói ăn hay thiếu thốn đồ dùng sinh hoạt thì ma sẽ tìm về dương thế để quấy nhiễu, hạch sách; hoặc nếu ai sơ suất, lỡ làm điều gì không hay, không phải, xúc phạm đến ma, làm cho ma phật ý, tức giận thì con ma này cũng có thể gây tai họa, mang lại cho con cháu những điều chẳng lành. Vì thế, việc thờ cúng tổ tiên được người Tày hết sức coi trọng và được tổ chức chu đáo; ngoài thể hiện sự thành kính cũng như bày tỏ lòng biết ơn đối với các bậc tiền nhân, còn nhằm mục đích lấy lòng các vị thần thường xuyên hiện diện trong ngôi nhà của mình.

Mỗi gia đình của người Tày đều thiết lập bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ là không gian thiêng liêng để các thành viên trong gia đình thể hiện, gửi gắm lòng tưởng nhớ, biết ơn tổ tiên; là nơi tổ tiên “đi”, “về” và ngự trên đó. Bàn thờ tổ tiên của người Tày thường được lập cố định, ở chỗ trang trọng nhất trong gia đình hoặc gian giữa chính của ngôi nhà sàn truyền thống. Tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng: “Chính giữa chòong cai người ta đặt bát hương thờ tổ tiên, ngoài ra còn có thờ Phật Bà Quan Âm và thờ Bà Mụ (Mẻ Bióc, Mẻ Va)”¹³. Theo tác giả La Công Ý, trên bàn thờ người Tày ở huyện Na Hang bao gồm “nhiều bát hương, mỗi bát hương tượng trưng cho một người chết đã được nhập tổ nhưng ở nhiều nơi lại chỉ có 3 bát cả thảy. Một số người cho là 3 bát hương tương ứng với 3 đời tổ tiên nhưng số khác lại cho rằng, một bát dành cho các vị đàn ông, một

bát dành cho các vị đàn bà và một bát nữa được bố trí riêng ở một góc để thờ Phật”¹⁴. Người Tày ở các xã Lăng Can, Thượng Lâm,... (huyện Lâm Bình) trên bàn thờ tổ tiên thường đặt nhiều bát hương, mỗi bát tượng trưng cho một người chết đã được nhập tổ tiên, nhưng nhiều nơi khác thì chỉ có 3 bát hương. Người Tày ở các xã Nhân Mục, Bằng Cốc,... (huyện Hàm Yên), thì thường có 2 bát hương với quan niệm một bát hương thờ tổ tiên và một bát hương thờ Mẫu (bà mẹ). Một số người quan niệm rằng, 3 bát hương tương ứng với 3 đời tổ tiên, nhưng số khác lại cho rằng một bát hương thờ tổ tiên, một bát hương thờ Mẫu và một bát hương nữa thờ Phật Bà Quan Âm, Ngọc Hoàng (thường kê cao hơn 2 bát kia)¹⁵. Ông Vương Trọng Triều ở xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên cho rằng: Trong gia đình, ngoài bàn thờ tổ tiên chính (thờ 3 đời) thì còn thêm 2 bàn thờ nữa, đó là bàn thờ “thỉnh tu” và “thờ thổ công, thổ địa”. Bàn thờ “thỉnh tu” được đặt ở bên cạnh cửa chính với ý nghĩa cai quản việc “ra” và “vào” trong gia đình (từ đời thứ 4 đến đời thứ 8). Bàn thờ thứ 3 là thờ thổ công, thổ địa ở trong vườn nhà với ý nghĩa bảo quản, trông coi đất đai của gia đình (đời thứ 9 trở lên). Vào những ngày lễ tết, trước tiên phải đặt lễ và thắp hương ở bàn thờ “thổ công, thổ địa”, sau đó mới đến bàn thờ “thỉnh tu” và sau cùng là bàn thờ tổ tiên chính. Với ý nghĩa là bậc trên phải được mời ăn trước, sau đó mới đến thế hệ sau, nếu không thì sẽ bị tổ tiên trách móc, mắng phạt. Đối với người con trai khi đi ở rể, ngoài việc thờ cúng tổ tiên bên gia đình vợ (tối thiểu phải thờ 3 đời liên tục, tính từ đời thứ nhất đi ở rể) thì cũng phải thờ cúng tổ tiên của dòng họ gia đình mình. Ví dụ như gia đình ông Hứa Văn Thuật ở xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, do bố ông là Hứa Văn Cảnh (đã mất) đi làm rể họ Lý, nên sau khi bố ông mất thì gia đình ông ngoài thờ tổ tiên họ Hứa thì vẫn phải thờ thêm tổ tiên họ Lý¹⁶. Đối với những gia đình sinh con một bề (con gái) khi đi lấy chồng vẫn thờ cúng tổ tiên của gia đình mình cùng với tổ tiên gia đình chồng, nhưng không được đặt thờ 3 họ trên cùng một bàn thờ và trên bàn thờ họ ngoài cũng không quá 3 đời liên tục. Như gia đình ông Vương Xuân Hải

(60 tuổi, đã mất tháng 01 năm 2021 tại xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên): Bà ông là con dâu họ Hứa nhưng chỉ sinh được một mình mẹ ông. Gia đình ông vẫn thờ tổ tiên họ Hứa, nhưng khi ông lâm bệnh nặng thì đã trao đổi với con cháu họ Hứa để họ lấy bát hương về thờ khi dòng họ Hứa có con cháu ra ở riêng. Trao đổi với ông Hứa Văn Kính (85 tuổi, xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên), được ông cho biết: Trong trường hợp như gia đình ông Vương Xuân Hải, nếu như con cháu họ Hứa không lấy bát hương tổ tiên của mình về thờ thì đến khi ông Vương Xuân Hải mất đi, con cháu của ông từ đời thứ 4 có thể lấy bát hương “bỏ xuống dòng suối”. Theo quan niệm của người Tày, dòng họ nào mà bát hương bị bỏ xuống dòng suối không ai thờ thì cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày của dòng họ đó sẽ gặp những điều không may mắn¹⁷. Vậy, theo quan điểm của chúng tôi, trên bàn thờ tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang ít nhất phải có một bát hương, đó là bát hương thờ tổ tiên gia đình. Ngoài ra, chỉ những gia đình, dòng họ có người làm nghề thầy cúng thì mới có bát hương thờ Phật Bà Quan Âm và Ngọc Hoàng; gia đình có trẻ nhỏ thì có thêm bát hương thờ bà mụ. Người con trai đi ở rể thì ngoài bát hương thờ tổ tiên bên họ ngoại có thêm bát hương thờ tổ tiên bên họ nội. Gia đình sinh con một bề là con gái thì người con gái khi lấy chồng sẽ thêm bát hương thờ tổ tiên gia đình mình ở nhà chồng. *Đây là một điểm khác biệt của người Tày ở Tuyên Quang so với người Tày ở nơi khác.* Bởi thông thường trong gia đình người Tày sinh con một bề là con gái, họ thường sẽ nhận cháu trai trong dòng họ nội làm con nuôi và người cháu sẽ có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng và thờ cúng bố mẹ nuôi khi mất. Ví dụ, trong cộng đồng người Tày ở Bắc Kạn, thờ tổ tiên gia đình vợ chỉ được cúng ở gian nhà phụ (có thể ở góc nhà) chứ không được thờ chung trong gian chính của gia đình và không đóng vai trò trung tâm trong nghi lễ thờ cúng gia đình. Trong việc thờ cúng bố mẹ vợ cũng thường chỉ thờ cúng có một đời¹⁸.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên gia tộc của người Tày gồm có nghi lễ thường kì và nghi lễ không thường kì. Nghi lễ thường kì là nghi lễ

mang tính chất truyền thống theo lịch tiết quy định hằng năm. Trong các ngày lễ tết, thắp hương bàn thờ tổ tiên hưởng lễ là việc làm không thể thiếu được của mọi gia đình. Dân tộc Tày có 3 tết lớn, đó là tết Nguyên đán, tết tảo mộ (03/03) và tết rằm tháng bảy (14/7 tính theo âm lịch). Trong đó, tết Nguyên đán là tết quan trọng nhất, đánh dấu thời điểm chuyển năm cũ sang năm mới¹⁹.

Tết Nguyên đán, bàn thờ tổ tiên được quét dọn sạch sẽ, thay cát hoặc tro cắm chân hương trong bát hương; nhưng họ không vứt toàn bộ chân hương đi mà bao giờ cũng giữ lại vài ba chân hương với ý nghĩa đó là dấu hiệu để cho tổ tiên dễ nhận biết khi tìm về với con cháu để hưởng lễ. Trên bàn thờ cắm vài cây tiền làm bằng giấy bản gập bằng hình khối rồi xâu lại với nhau. Theo quan niệm của người Tày, cây tiền chính là những “thỏi vàng”, “đỉnh bạc” để cúng nạp thần linh, mong được thần ra tay, phù hộ, che chở và đồng thời đó cũng là một món tiền tặng cho những người thân quá cố, để họ tiêu xài ở thế giới bên kia. Cạnh bàn thờ treo vài chiếc áo hàng mã cắt bằng giấy với nhiều màu sắc khác nhau tượng trưng cho những tấm áo mới mà con cháu may tặng tổ tiên, ông bà. Dọc hai bên bàn thờ buộc 2 cây mía còn lá tượng trưng cho những cây gậy mà lúc sinh thời các cụ già vẫn dùng để chống trong lúc đi đường. Mỗi dòng họ người Tày có thể chọn ngày hóa vàng khác nhau, có dòng họ là mừng một tết, dòng họ khác lại là mừng hai hoặc mừng ba tết. Bởi người Tày quan niệm trước đây do đang ăn tết mừng một hoặc mừng hai, mừng ba thì chiến tranh loạn lạc xảy ra nên phải hóa vàng luôn, từ đó tạo nên truyền thống hóa vàng khác nhau ở mỗi dòng họ.

Tết Thanh minh được tổ chức vào ngày 03/03 âm lịch. Ở dịp tết này, người ta kể tóm tắt lai lịch, công lao và đức độ của người dưới mộ cho những người có mặt dự tảo mộ cùng nghe. Lễ tảo mộ của người Tày cũng gắn với ý nghĩa của tết Hàn thực và tích về Giới Tử Thôi (Trung Quốc). Hầu hết các thứ lễ vật đi cúng mộ như xôi cầm, các thứ bánh, các món ăn đều làm từ hôm trước để sáng hôm sau đi tảo mộ được nhanh chóng. Còn các thứ vàng, hương, quần

áo giấy, tiền giấy,... đều đã được chuẩn bị từ nhiều hôm trước. Tảo mộ là việc dọn sạch cỏ dại ở trên mộ và quanh mộ, đắp lại nấm mộ cho cao và gọn ghẽ, quét vôi lại bia mộ, dọn sạch sửa sang lại sân mộ và sơn sơn thân. Ngoài ra người ta còn cắm ở trên tróc mộ một cây “nêu” nhỏ, trên ngọn có gài một chum giấy tiền để báo sơn thân và những mộ xung quanh biết rằng mộ này đã được con cháu đến tảo. Sau đó con cháu người đã mắt bày lễ, rót rượu và thắp hương, cúng bái, cuối cùng là đốt vàng mã. Khi mọi việc đã xong, thông thường mọi người thu dọn đi về, tuy nhiên, ở một số nơi, lúc này mọi người sẽ ngồi vào mâm ăn uống ngay tại chỗ. Ngày tảo mộ là ngày lễ thiêng liêng mang ý nghĩa sâu sắc, biểu thị lòng biết ơn của người sống đối với người đã mất, vì vậy các con cháu dù đi làm ở nơi xa đều cố gắng thu xếp để về dự.

Người Tày quan niệm tết Rằm tháng 7 là tết lớn thứ hai sau tết Nguyên đán. Đây là dịp cúng tổ tiên và các vong linh với ý nghĩa “xả tội vong nhân”²⁰. Theo quan niệm dân gian, ngày 14/7 (âm lịch) là ngày vua trên thiên đình cho phép các linh hồn người chết xuống trần gian đi chơi và kiếm ăn. Do vậy, ngày đó gia đình nào không làm lễ mời tổ tiên thì tổ tiên sẽ bị đói. Các vong linh bị đói sẽ quậy phá người sống. Đây cũng là dịp con cháu làm lễ cúng báo đưa vong hồn đã đủ thời gian quy tiên (về với tổ tiên) từ nơi thờ riêng ở phía dưới thắp lên bàn thờ tổ tiên. Trong dịp tết này thì người Tày làm nhiều món ăn như thịt vịt, thịt lợn, bánh gai, bún...; họ dâng cúng và đốt vàng mã, tiền với mong muốn tổ tiên có thể tiêu ở thế giới bên kia. Dịp này người Tày kiêng ăn thịt gà vì có câu: “Bươn ching bầu kin nửa pắt, bươn chât bầu kin nửa cáy”, nghĩa là “Tháng giêng không ăn thịt vịt, tháng bảy không ăn thịt gà”.

Vào ngày mừng một và ngày rằm hằng tháng, người Tày ở một số địa phương như Hà Giang, Cao Bằng thường đặt lễ, thắp hương trên bàn thờ tổ tiên, tương tự như người Việt (Kinh)²¹, tuy nhiên, đa số người Tày ở Tuyên Quang không duy trì truyền thống này. Ngoài những nghi lễ thường kì, người Tày còn có các nghi lễ không thường kì, trong đó đặc biệt có nghi lễ tạ tổ, người Tày gọi

là “giải hạn”. Khi gia đình có người gặp hoạn nạn hoặc ốm đau,... gia chủ xem bói nếu thầy phán rằng bị tổ tiên quở trách thì gia đình phải sắm lễ vật nhờ thầy cúng tạ tổ tiên tại nhà hay tại mộ. Ngoài ra, vì tổ tiên được coi là một vị thần bản mệnh, có vị trí, vai trò quan trọng đối với sự hưng thịnh của gia đình nên mỗi khi có việc như cưới xin, ma chay, cưới hỏi, làm nhà, thậm chí con cháu đi làm ăn, đi học ở xa họ cũng sắm lễ vật hoặc thắp nén hương trình báo, xin phép tổ tiên, mong tổ tiên phù hộ.

Ý niệm thiêng liêng trong thờ cúng tổ tiên của người Tày thể hiện nếp sống đạo đức “uống nước nhớ nguồn”, lòng thành kính được thể hiện qua việc dâng lễ cúng tổ tiên vào những ngày lễ, tết hoặc khi gia đình có việc lớn như làm nhà, cưới xin,... Càng thực hiện được sự cúng lễ tổ tiên chu đáo, đầy đủ, thành tâm bao nhiêu thì con cháu càng thấy thanh thản bấy nhiêu. Triết lý đề cao chữ hiếu của Nho giáo, thuyết nhân quả của Phật giáo đã củng cố thêm ý nghĩa tục thờ cúng tổ tiên của người Tày. Việc thờ cúng tổ tiên gia tộc cho thấy giữa người chết và người sống như không còn chia cắt, quá khứ và hiện tại như hòa quyện vào nhau.

Theo tác giả Ngô Đức Thịnh: “Tín ngưỡng thờ thánh sư (tổ nghề) còn có tên gọi khác là: tiên sư, nghệ sư, tổ sư, tổ nghề,... tức là người đã có công sáng tạo hay truyền dạy một nghề nào đó cho những người đời sau”²²; “Trong nhà thầy tào và ông bà then (chủ yếu là bà then) đều lập bàn thờ để cúng tổ sư của nghề thầy tào và then”²³. Tác giả Nguyễn Thị Yên cho rằng: “Thờ tổ sư là những người truyền nghề thầy cúng cho tổ tiên gia đình”²⁴. Người Tày ở tỉnh Tuyên Quang quan niệm, thờ tổ sư chính là thờ tổ nghề, người phát minh, sáng lập, gây dựng nên một nghề hoặc là người đầu tiên đem nghề ở nơi khác truyền lại cho những người trong gia tộc. Tiêu biểu nhất trong tín ngưỡng thờ tổ sư của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang là thờ tổ sư của những người làm nghề thầy cúng. Thờ cúng tổ sư trong các gia đình thầy cúng theo một hệ thống nhất định như sau: “Thờ tổ tiên của gia đình nói chung (bao gồm cả những người làm nghề thầy cúng của gia đình từ nhiều đời trước); Thờ tổ tiên

sinh ra nghề thầy cúng của gia đình (các thầy cha, thầy mẹ đã truyền nghề cho người làm thầy cúng đầu tiên của gia đình); Thờ thầy cha, thầy mẹ của bản thân người đang làm thầy cúng (bao gồm cả những người đã chết và đang sống); Thờ tổ nghề thầy cúng gồm các thiên tướng và binh mã, bao gồm có Cha (Ngọc Hoàng Thượng Đế) và Mẹ (Phật Bà Quan Âm)...”²⁵. Đối với những người làm nghề thầy cúng thì bát hương thờ tổ sư thường đặt cùng gian với tổ tiên nhưng ở vị trí cao hơn và chính giữa, còn bát hương tổ tiên thì đặt ở bên cạnh, phía bên trái. Trước rèm thờ tổ sư có treo nhiều hình con én bằng giấy màu, bởi theo quan niệm dân gian của người Tày thì con én chính là vật thông tin qua lại giữa thầy cúng với thần linh. Mỗi lần tổ chức cúng bái tại nhà hoặc khi đi cúng ở đâu đó, thầy cúng phải thắp hương trên bàn thờ tổ sư (người ở nhà không được để hương bị tắt cho đến khi thầy cúng về đến nhà) để xin phép đưa âm binh đi cùng (trước khi đi) hay trình báo sự việc vừa mới xảy ra (sau khi trở về). Ông Vương Trọng Triều (xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên) cho biết, ông nội của ông trước đây làm nghề thầy cúng, hiện nay trong dòng họ không ai theo nghề nhưng gia đình ông vẫn có bát hương thờ tổ sư và tất cả đồ nghề vẫn được gia đình lưu giữ, bảo quản²⁶. Theo quan niệm của người Tày ở Tuyên Quang, với những gia đình, dòng họ đã từng có người làm nghề thầy cúng nhưng đời sau chưa có ai nối nghề mà bỏ không thờ bát hương của tổ sư nữa thì sẽ gặp những điều không may mắn trong cuộc sống.

3. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang là sự thể hiện đạo hiếu – đạo làm người

Đạo hiếu - đạo làm người trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang được thể hiện trong quan niệm về cuộc sống thực tại và khi chết. Quan niệm này chịu sự ảnh hưởng khá sâu đậm của Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo, đặc biệt là văn hóa của người Việt (Kinh). Tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng: “Nói đến tín ngưỡng, tôn giáo dân tộc Tày, Nùng, chúng ta không thể không lưu ý tới những ảnh hưởng của Tam giáo (Phật, Đạo,

Nho)”²⁷. Tác giả Hoàng Nam nói về tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Nùng: “Tin theo Tam giáo, là tin theo Khổng Tử, Đạo giáo và Phật giáo. Tin theo Tam giáo được thể hiện trong cuộc sống đời thường”²⁸.

Nho giáo và xã hội phong kiến Việt Nam ảnh hưởng rất lớn đến quan niệm về chữ “hiếu” trong cuộc sống của người Tày trước đây. Vua là người đứng đầu thiên hạ nên phải có bốn phận cúng tế trời đất, còn dân thường thì có bốn phận thờ cúng tổ tiên. Người Tày rất chú trọng tới xây dựng gia đình theo chế độ tông pháp, lấy gia đình, dòng họ là đơn vị cơ sở của dân tộc. Quan hệ gia đình người Tày theo phụ hệ, trước đây thường có nhiều thế hệ sống trong cùng một nhà, có đời sống kinh tế chung, nhà ở làm to, có nhiều gian. Trong gia đình, dòng họ của người Tày, điều cốt lõi là con người phải có “hiếu”; “Hiếu” là biểu hiện của “nhân” và là nguồn gốc của “trung”. Trước đây, các triều đại phong kiến Việt Nam đều đề cao chữ “hiếu”, lấy chữ “hiếu” để củng cố gia đình và ổn định xã hội. “Hiếu” được xem như một chuẩn mực đạo đức xã hội và cũng là thước đo lòng trung thành với vua. Ở tỉnh Tuyên Quang, quan niệm này được thấy khá rõ ở bộ phận người Tày gốc dân tộc Việt (Kinh).

Với người Tày ở tỉnh Tuyên Quang, kính hiếu cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã trở thành giá trị đạo đức cốt lõi trong gia đình truyền thống. Hiếu với cha mẹ không phải chỉ là sự thể hiện tình cảm và lòng biết ơn, mà còn là trách nhiệm, nghĩa vụ của đạo làm con. Hiếu với ông bà, cha mẹ trước hết là cách cư xử đối với người đang sống. Vì vậy, phải hiếu thảo với cha mẹ khi còn sống; phụng dưỡng cha mẹ khi về già; thành kính, biết ơn, thương tiếc khi cha mẹ khuất núi về với tổ tiên. Con cháu khi còn nhỏ thì “cậy cha”, nương dựa vào ông bà, cha mẹ; người già thì “cậy con”, trông nhờ sự phụng dưỡng, chăm sóc của con cháu. Con cháu hiếu với tổ tiên không phải chỉ dừng lại ở lòng biết ơn, sự phụng dưỡng mà còn phải rèn luyện để nên người, vì người già vẫn quan niệm “con hơn cha là nhà có phúc”. Đạo hiếu nhắc nhở con cháu không những chỉ hiếu thảo với ông bà, cha mẹ mà phải hiếu đễ với anh, chị, em trong gia tộc.

Trong gia đình phải có “tôn ti trật tự”, anh, em phải biết “kính trên nhường dưới”. Là anh, chị phải biết yêu thương, nhường nhịn các em, phải luôn gương mẫu cho các em noi theo. Ngược lại, là em phải đúng đạo, phải biết vâng lời cha mẹ, ông bà, anh chị và lễ phép với bề trên. Anh, chị, em trong gia đình, họ tộc phải hết sức yêu thương, đoàn kết, bảo ban nhau sống sao cho xứng đáng với mong mỏi của ông bà, cha mẹ. Vì vậy, các nghi lễ thường kì và không thường kì của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang không chỉ có ý nghĩa thiêng liêng về mặt tâm linh, thể hiện sâu sắc ý thức, lòng biết ơn công sinh thành mà còn có ý nghĩa đoàn kết, sum họp trong gia đình, họ tộc. Anh em, con cháu có điều kiện để gặp gỡ, thăm hỏi, bảo ban nhau những điều hay lẽ phải, tránh làm những điều sai trái,...

Chữ “hiếu” không chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình, họ tộc mà còn được mở ra trong phạm vi bản làng, thôn xóm. Trong làng xóm, nhà nào có việc vui, buồn, mọi người đều đến thăm hỏi. Việc tang ma thì ngoài con cháu trong gia đình, họ tộc, bà con trong bản, làng đều có mặt đông đủ, với quan niệm “nghĩa tử là nghĩa tận”, thành kính với vong hồn của người đã khuất, chia sẻ chân tình với thân nhân gia quyến.

Triết lý về cái chết của người Tày cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ triết lý của Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo. Khổng Tử cho rằng, chưa biết việc sống thì sao biết được việc chết. Trời – Đất – Người hợp nhất, cùng một bản thể. Con người như một “tiểu vũ trụ” chịu sự quy định của “đại vũ trụ” (trời và đất). Con người do trời, đất sinh ra nên con người khi chết đi lại trở về với trời, đất. Theo thuyết âm dương ngũ hành thì con người cần âm dương hòa hợp, ngũ hành tương sinh, tương khắc. Khi chết, thể xác con người tan ra thành đất, chỉ còn linh hồn (tinh thần) mà thôi²⁹. Do đó “hiếu tử như hiếu sinh”, hiếu với người chết, thực hiện các nghi lễ tang ma trang trọng, đồng thời cũng phải đối xử tốt với cha mẹ khi đang còn sống. Nho giáo là một học thuyết về chính trị - xã hội và đạo đức mang tính nhập thế rất rõ ràng. Các nghi thức tang ma của

người Tày chủ yếu dựa theo nghi thức của Nho giáo, do đó cũng mang tính thực tiễn. Đối xử với người chết là cách mà thông qua đó người Tày thể hiện sự đối xử với người đang sống. “Tang ma trước hết là để đưa tiền linh hồn của người quá cố sang thế giới bên kia cũng như chuẩn bị cho họ mọi thứ cần thiết cho cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày như nhà cửa, ruộng đất, trâu, bò, quần áo, đồ ăn, thức uống, tiền bạc,... Ma chay còn là một dịp tốt, một cơ hội hiếm có để con cái báo hiếu, trả nghĩa, đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ”³⁰. Tuy nhiên, quan niệm về sinh tử của Nho giáo cũng chứa đựng những yếu tố duy tâm, làm cơ sở cho mê tín dị đoan hình thành và tồn tại, là sợi dây trói buộc con người. Điều này có thể thấy qua các nghi lễ rất chặt chẽ, khắt khe của người Tày. Trong cuộc sống hiện đại, nhiều nghi lễ đã trở thành hủ tục, lạc hậu cần phải phê phán, loại bỏ. Trước đây “Chính vì phải chờ đến giờ tốt, ngày tốt mới được phép đưa tang nên hình thành tập quán quán xác chết trong nhà lâu ngày, ít vài ba hôm, nhiều có thể tới mười ngày, nửa tháng, thậm chí có những trường hợp kéo dài cả một tháng trời”³¹. Cũng do việc chọn ngày mai táng mà đôi khi người ta phải áp dụng cả hình thức “tiền táng, hậu tế”, nghĩa là nếu chết vào đúng ngày tốt thì xác chết được chôn cất ngay trong ngày hoặc ngày kế tiếp, và một thời gian sau người chết đã nằm yên dưới mồ thì mới tiến hành làm ma chay, tế lễ (làm ma khô). Ma chay thường được tổ chức linh đình, kéo dài nhiều ngày với những nghi lễ rườm rà, phức tạp, tốn kém. Vì vậy, người Tày có câu: “Ba đêm làm ma, ba năm trả nợ” (Slam hăm hất phi, slam pi trá ni).

Đạo giáo quan niệm sống chết, sướng khổ, họa phúc là lẽ của tự nhiên. Sống thì nên hòa đồng với tự nhiên, chết thì nên hướng về nơi bồng lai tiên cảnh. Muốn sống lâu thì không nên quan tâm tới việc đời mà chỉ nên chú ý tới việc tu đạo, luyện đan, tìm thuốc trường sinh³². Quan niệm của Đạo giáo mang tính chất trần thế, song cũng phần nào đáp ứng được nhu cầu tinh thần và tâm lý của người Tày. Bởi người Tày tin rằng sự chết không đáng sợ mà ngược lại là sự thanh thản, hợp quy luật của tự nhiên.

Phật giáo quan niệm, con người khi sống là ở thế giới tạm, khi chết mới là về thế giới vĩnh hằng. Con người cũng như vũ trụ được cấu thành bởi hai yếu tố sắc và danh (thân và tâm, vật chất và tinh thần). Khi con người chết đi, tùy theo nghiệp thiện hay ác có thể đầu thai vào kiếp khác, trong đó có kiếp người. Khi chết, thể xác tan ra, linh hồn còn lại, song phải luân chuyển qua Thập điện Diêm Vương dưới âm ty mới có thể đầu thai kiếp khác³³. Học thuyết nhân quả, luân hồi, nghiệp kiếp của đạo Phật ít nhiều chứa đựng tư tưởng biện chứng và làm cho quan niệm về linh hồn của người Tày thêm sâu sắc. Điều đó thể hiện qua quan niệm về cái chết không quá nặng nề, chết không phải là chấm hết mà chỉ là sự “đi”, “khuất núi”, “về với tổ tiên”. Chết là sự chuyển kiếp để tiếp tục sự sinh sôi nảy nở, sự sống và sự chết chuyển hóa lẫn nhau.

Triết lý về sự sống và cái chết của người Tày khó phân biệt rạch ròi đâu là ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo. Tác giả Nguyễn Thị Yên viết: “các thầy cúng thường lấy đạo Phật làm tư tưởng, mục đích hành nghề nhưng lại vay mượn phương thức hành nghề mang đậm dấu ấn phù lục bùa chú của Đạo giáo thời kì đầu. Một biểu hiện nữa đó là muốn vào nghề thì các đệ tử phải thụ giới để nhận áo, mũ và sắc phong của Ngọc Hoàng – vị thần chủ đạo của Đạo giáo”³⁴. Đặc biệt, những người làm nghề thầy cúng (tào, mo) thì phải nói thông viết thạo chữ Nho và chữ Nôm, dùng để viết câu đối, đại tự trang trí bàn thờ hoặc viết bài vị, viết sớ. “... thờ ông bà cùng với tổ tiên, thờ Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cứu khổ cứu nạn cho loài người khi thấm thấu vào đời sống của người Tày thành Bụt (Pụt). Thầy tào, thầy then thực hiện các nghi lễ dâng lên Pụt cầu yên, cầu mùa, cầu giải hạn, chữa bệnh”³⁵. Trong các hình thức cúng, người dân thường tín nhiệm thầy tào thực hiện các nghi lễ liên quan đến tang ma, cưới hỏi, bởi các thầy tào có sách cúng tiếng Hán, làm theo bài bản, quy chuẩn khi hành nghề³⁶. Trong nghi lễ tang ma của người Tày ở Tuyên Quang, các thầy tào, mo ở các huyện Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa thường có nhiều nghi lễ cầu kì, phức tạp hơn ở các huyện Hàm Yên, Yên Sơn,... Trong một huyện, ví dụ như huyện Hàm Yên, thì các thầy tào có vị tổ sư khác nhau nên cũng có sự hành nghề khác nhau, nhưng về cơ bản

thì có sự thống nhất trong quy chuẩn hành nghề. Ở huyện Hàm Yên (qua khảo sát ở các xã Bằng Cốc, Nhân Mục), đám ma thường diễn ra trong 2 ngày 1 đêm hoặc 3 ngày 2 đêm (ma tươi). Tuy nhiên, những người bị chết vì bệnh truyền nhiễm thì phải mang đi an táng trong vòng 24 giờ, rồi về tiến hành làm các nghi lễ luôn (ma khô). Còn ở huyện Lâm Bình (qua khảo sát ở các xã Hồng Quang, Thổ Bình, Bình An), đa số người chết thường được “tiền táng, hậu tế”, tức là chôn cất ngay, sau một thời gian mới tiến hành làm lễ tang (ma khô). Cũng có một số ít gia đình, dòng họ tiến hành các nghi lễ tang ma (ma tươi) giống như người Tày ở huyện Hàm Yên³⁷. Đối với người Tày ở Bắc Kạn, thi hài người chết để trong nhà không quá 48 giờ đối với thôn bản, còn ở thành phố thì không quá 24 giờ phải được tổ chức chôn cất, những trường hợp chết do dịch bệnh nguy hiểm phải được chôn cất ngay để đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn sức khỏe cho người dân. Trường hợp gia đình có người chết vào ngày xấu cũng vẫn đưa ma, chờ ngày tốt sẽ làm đám chay sau³⁸. Như vậy, cách thức thực hiện tang ma của người Tày ở Tuyên Quang cơ bản là giống nhau, tuy vẫn có một số khác biệt. Việc thực hiện nghi lễ tang ma ở nhóm người Tày ở huyện Hàm Yên chính là điểm mới so với trước đây và nó đang ảnh hưởng đến các gia đình, dòng họ người Tày ở các nơi khác trong tỉnh Tuyên Quang.

Có thể nói, đạo hiếu - đạo làm người trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong các nguyên tắc ứng xử của người Tày, thể hiện triết lý nhân sinh vừa dung dị và mang tính thực tiễn, vừa mang tính phổ quát và sâu sắc. Truyền thống này được thể hiện rất đa dạng và phong phú, từ việc phụng dưỡng ông bà, cha mẹ khi còn sống, thờ phụng người đã chết trong việc thực hiện các nghi lễ tang ma, cho đến việc tổ chức cưới hỏi, giải hạn, kì yên, lễ tết,... của thầy tào, mo, then, pụt và của các gia đình, dòng họ người Tày.

Kết luận

Triết lý về sự sống và cái chết của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang chịu ảnh hưởng sâu sắc triết lý của Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo và văn hóa của người Việt (Kinh). Điều đó được thể hiện khá rõ nét qua tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Người Tày ở Tuyên Quang

rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên gia tộc, thông qua đó thể hiện sự hiếu thảo, lòng biết ơn và ý thức tưởng nhớ về cội nguồn. Thờ cúng tổ sư của người Tày là thể hiện ý thức biết ơn và tưởng nhớ về nguồn gốc nghề nghiệp của mình, nhắc nhở thế hệ sau luôn phải ghi nhớ công lao của các thế hệ trước và có ý thức gìn giữ, phát triển nghề nghiệp của cha ông. Thờ cúng tổ tiên của người Tày tỉnh Tuyên Quang còn là sự thể hiện đạo hiếu - đạo làm người. Đây là những nét đẹp trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng cần được bảo lưu, gìn giữ và phát triển. Tác giả Ngô Đức Thịnh đã khẳng định: “Thờ cúng tổ tiên không chỉ đơn thuần là một hình thức tín ngưỡng mà trong đó chứa đựng các giá trị đạo đức, các quan hệ xã hội, các chuẩn mực ứng xử giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng tạo nên sức mạnh cố kết cộng đồng trong phạm vi gia đình, dòng họ. Đây là hình thức tín ngưỡng không phải đã và sẽ phai nhạt đi theo thời gian, mà nó có sức sống mạnh mẽ, không chỉ trong xã hội cổ truyền mà còn cả ở xã hội hiện đại nữa”³⁹./.

CHÚ THÍCH:

- 1 La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 23.
- 2 Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương (2019), *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 157.
- 3 Ninh Văn Độ (Chủ biên, 2003), *Văn hoá truyền thống các dân tộc Tày, Dao, Sán Diêu ở Tuyên Quang*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, tr. 47.
- 4 Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày - Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.84.
- 5 Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 49.
- 6 Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.17.
- 7 Nguyễn Thị Yên (2009), Sđd, tr. 61
- 8 Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 57.
- 9 Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng lễ hội...*, Sđd, tr. 124-125.
- 10 Bế Văn Hậu (2011), “Tôn giáo, tín ngưỡng của người Tày, Nùng: Truyền thống và hiện đại”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11, tr.32.
- 11 La Công Ý (2010), Sđd, tr.374.
- 12 Hứa Đức Hội (2016), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng thờ mẫu của người Tày ở Tuyên Quang*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang, tr. 62.
- 13 Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng lễ hội...*, Sđd, tr. 133.
- 14 La Công Ý (2010), Sđd, tr. 375.
- 15 Hứa Đức Hội (2016), Tlđd, tr. 63.

- 16 Hứa Đức Hội (2012), *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay*, luận văn thạc sĩ Triết học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, tr. 64-65.
- 17 Theo kết quả điền dã tháng 01 năm 2021 tại xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- 18 Lương Thị Hạnh (2011), “Thờ cúng tổ tiên và các vị thần che chở gia đình của người Tày Bắc Kạn”, Tạp chí *Khoa học và công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, tập 79 (số 3), tr. 24.
- 19 Ninh Văn Độ (Chủ biên, 2003), Sđd, tr. 82.
- 20 Hà Đình Thành (Chủ biên, 2010), *Văn hoá dân gian Tày - Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 465.
- 21 La Công Ý (2010), Sđd, tr.376.
- 22 Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng và văn hóa...*, Sđd, tr. 30.
- 23 Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng lễ hội...*, Sđd, tr. 136.
- 24 Nguyễn Thị Yên (2009), Sđd, tr. 65.
- 25 Nguyễn Thị Yên (2009), Sđd, tr. 65.
- 26 Hứa Đức Hội (2016), Tlđd, tr. 69-70.
- 27 Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng lễ hội...*, Sđd, tr. 140.
- 28 Hoàng Nam (2014), *Văn hóa dân tộc, văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 161.
- 29 Trần Đăng Sinh (2002), Sđd, tr. 128.
- 30 La Công Ý (2010), Sđd, tr. 286.
- 31 La Công Ý (2010), Sđd, tr. 286.
- 32 Trần Đăng Sinh (2002), Sđd, tr. 129.
- 33 Trần Đăng Sinh (2002), Sđd, tr. 129.
- 34 Nguyễn Thị Yên (2009), Sđd, tr. 92.
- 35 Ninh Văn Độ (Chủ biên, 2003), Sđd, tr. 47.
- 36 Vương Xuân Tinh (Chủ biên, 2020), *Các dân tộc ở Việt Nam*, (Tập 2: *Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kadai*), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 108.
- 37 Hứa Đức Hội (2020), “Quan hệ dòng họ qua nghi lễ tang ma của người Tày ở Tuyên Quang”, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Tân Trào, số 16 (6/2020), tr. 25.
- 38 Lương Thị Hạnh (2013), *Tang ma của người Tày ở tỉnh Bắc Kạn*, luận án tiến sĩ Nhân học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tr. 91-92.
- 39 Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng lễ hội...*, Sđd, tr. 125.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương (2019), *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
2. Ninh Văn Độ (Chủ biên, 2003), *Văn hóa truyền thống các dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu ở Tuyên Quang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Lương Thị Hạnh (2011), *Thờ cúng tổ tiên và các vị thần che chở gia đình của người Tày Bắc Kạn*, *Khoa học và công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, tập 79 (số 3).
4. Lương Thị Hạnh (2013), *Tang ma của người Tày ở tỉnh Bắc Kạn*, luận án tiến sĩ Nhân học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
5. Bê Văn Hậu (2011), “Tôn giáo, tín ngưỡng của người Tày, Nùng: Truyền thống và hiện đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11.
6. Lê Thị Thủy Hoàn (2010), *Nhà sàn truyền thống của cư dân Tày ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang)*, luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Hứa Đức Hội (2012), *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay*, luận văn thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
8. Hứa Đức Hội (2016), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng thờ mẫu của người Tày ở Tuyên Quang*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang.
9. Hứa Đức Hội (2020), “Quan hệ dòng họ qua nghi lễ Tang ma của người Tày ở Tuyên Quang”, *Khoa học*, Đại học Tân Trào, số 16 (6/2020).
10. Hoàng Nam (2014), *Văn hóa dân tộc, văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên, 2008), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Hà Đình Thành (Chủ biên, 2010), *Văn hóa dân gian Tày - Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
16. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2020), *Các dân tộc ở Việt Nam*, (Tập 2: Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kơ đai), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. La Công Ý (2010), *Đền với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày - Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

ANCESTRAL WORSHIP OF THE TAY PEOPLE IN TUYÊN QUANG PROVINCE

Hua Duc Hoi

Tân Trào University, Vietnam

Ancestor worship is a type of belief based on the faith that ancestors always protect and bless their descendants. The ancestor worship of the Tày people is a conscious activity; the feeling of gratitude and remembrance of the origin. This belief has become a custom, a moral norm of human beings. Currently, the ancestor worship of the Tày people in Tuyên Quang province is still maintained according to customs and practices of each family, clan and social community.

Keywords: Belief, ancestor worship, Tày people in Tuyên Quang province.